

Số: 368 /SGTVT-VTPT

Thừa Thiên Huế, ngày 15 tháng 03 năm 2021.

V/v thống nhất thực hiện niêm yết giá vé (giá cước) theo hướng dẫn Thông tư 02/2021/TT-BGTVT; cách thức thực hiện việc kê khai giá cước vận tải bằng xe ô tô theo hướng dẫn của Thông tư 233/2016/TT-BTC.

Kính gửi: Các Doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe buýt theo tuyến cố định, xe taxi.

Thực hiện Công văn số 1485/BGTVT-VT ngày 24/02/2021 của Bộ Giao thông vận tải về việc thống nhất thực hiện niêm yết giá vé (giá cước) theo hướng dẫn Thông tư 02/2021/TT-BGTVT; cách thức thực hiện việc kê khai giá cước vận tải bằng xe ô tô theo hướng dẫn của Thông tư 233/2016/TT-BTC.

Sở Giao thông vận tải hướng dẫn các Doanh nghiệp thống nhất thực hiện niêm yết giá vé (giá cước), cách thức thực hiện việc kê khai giá cước vận tải bằng xe ô tô như sau:

1. Việc niêm yết giá vé (giá cước) được thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 8 Điều 1 Thông tư số 02/2021/TT-BGTVT ngày 04/02/2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/05/2020 quy định về tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ (*theo phụ lục 1, mẫu thông tin niêm yết thông tin giá vé, giá cước, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2021/TT-BGTVT*).

2. Cách thức thực hiện việc kê khai giá cước vận tải hành khách bằng xe ô tô theo hướng dẫn tại khoản 6 Điều 1, Thông tư 233/2016/TT-BGTVT như sau:

2.1 Doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện kê khai giá theo mẫu văn bản kê khai giá ở phụ lục 4 (*Ban hành kèm theo Thông tư số 233/2016/TT-BTC*) và gửi đến Sở Giao thông vận tải. Trường hợp kê khai giảm giá, Doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện giảm giá ngay, đồng thời gửi văn bản kê khai giá để thông báo mức giảm giá đến Sở Giao thông vận tải.

a) Gửi trực tiếp 02 bản tại Văn phòng Sở Giao thông vận tải;

b) Hoặc gửi qua đường công văn 02 bản cho Sở Giao thông vận tải;

c) Hoặc gửi qua thư điện tử kèm bản scan Văn bản kê khai giá có chữ ký và dấu theo địa chỉ đã được Sở Giao thông vận tải thông báo hoặc gửi qua fax và gọi điện thoại thông báo cho Sở Giao thông vận tải. Đồng thời, gửi qua đường công văn 02 bản.

2.2 Các nội dung kê khai giá vé (giá cước) thống nhất thực hiện như sau:

a) Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định: kê khai giá cước trên các tuyến vận tải hành khách cố định của doanh nghiệp, hợp tác xã (bao gồm giá cước 1 lượt và giá cước chặng(nếu có)).

b) Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo theo tuyến cố định: kê khai giá cước (đồng/hành khách), kê khai giá cước vé tháng áp dụng cho các đối tượng (đồng/vé/tháng) trên các tuyến vận tải xe buýt của doanh nghiệp, hợp tác xã.

c) Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi: kê khai giá cước cự ly hoặc ki lô mét đầu (hoặc giá mở cửa), giá cước của từng cự ly hoặc ki lô mét tiếp theo trong đó kê khai giá cước theo thời gian thấp điểm, cao điểm (nếu có); giá cước theo chuyến; giá cước theo ngày; giá cước thời gian chờ đợi theo yêu cầu của hành khách.

d) Giá cước kê khai là giá đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có).

2.3 Quyền hạn và trách nhiệm của doanh nghiệp, hợp tác xã trong thực hiện kê khai giá thực hiện theo quy định tại khoản 7, Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC, như sau:

a) Có quyền mua, bán hàng hoá, dịch vụ theo giá đã kê khai kể từ ngày thực hiện mức giá kê khai mà tổ chức, cá nhân đã ghi trong Văn bản gửi cơ quan tiếp nhận Văn bản sau khi nộp đủ thành phần, số lượng Văn bản theo quy định và được cán bộ tiếp nhận đóng dấu công văn đến có ghi ngày, tháng, năm tiếp nhận vào Văn bản.

b) Có quyền gửi thông báo mức giá theo mẫu tại Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư số 233/2016/TT-BTC thay cho Văn bản kê khai giá khi Điều chỉnh tăng, giảm giá hàng hóa, dịch vụ trong phạm vi 5% so với mức giá đã kê khai liền kề trước đó khi các yếu tố hình thành giá thay đổi.

c) Có trách nhiệm thực hiện kê khai giá, thông báo mức giá theo quy định của pháp Luật và quy định tại Thông tư 233/2016/TT-BTC; chịu trách nhiệm trước pháp Luật về tính chính xác, trung thực của mức giá kê khai phù hợp với biến động của yếu tố hình thành giá; chấp hành báo cáo về mức giá kê khai theo yêu cầu của cơ quan tiếp nhận Văn bản để phục vụ công tác bình ổn giá, quản lý nhà nước về giá, kiểm tra, thanh tra; chấp hành việc kiểm tra (bao gồm kiểm tra yếu tố hình thành giá), thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có);

d) Không được áp dụng mức giá kê khai trong mua, bán hàng hóa, dịch vụ trước ngày thực hiện kê khai giá theo quy định. Trường hợp kê khai giảm giá, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện giảm giá ngay phù hợp với biến động giảm của yếu tố hình thành giá; đồng thời, gửi Văn bản kê khai giá, thông báo mức giảm giá đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

đ) Có trách nhiệm thực hiện công khai thông tin về mức giá đã kê khai; thông báo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận Văn bản kê khai giá nếu thay đổi thời gian bắt đầu áp dụng mức giá đã kê khai; công khai, niêm yết trong toàn hệ thống phân phối (nếu có); thực hiện đúng giá niêm yết; chấp hành các biện pháp bình ổn giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp Luật;

e) Có trách nhiệm chấp hành các hình thức xử lý về kê khai giá theo quy định của pháp Luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá, phí, lệ phí, hóa đơn.”

Vậy, Sở Giao thông vận tải yêu cầu các Doanh nghiệp, hợp tác xã triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ GTVT (để b/c);
- Giám đốc và các PGĐ Sở (để b/c);
- Lưu VT, QLVTPT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Thành

PHỤ LỤC 1

MẪU THÔNG TIN NIÊM YẾT GIÁ VÉ (GIÁ CƯỚC)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2021/TT-BGTVT ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; tương ứng với Phụ lục 22 ban hành kèm theo Thông tư số: 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Mẫu Bảng niêm yết giá vé (giá cước) đối với tuyến cố định:

GIÁ VÉ	
Tên tuyến:	
Bến đi....., Bến đến:	
Giá vé 1 lượt:đồng/ HK
Giá vé chặng (nếu có): từ....đến....: đồng/HK.	
Giá vé đã bao gồm thuế GTGT và Bảo hiểm hành khách.	

2. Mẫu Bảng niêm yết giá vé (giá cước) đối với xe buýt:

GIÁ VÉ	
Số hiệu tuyến:.....	
Giá vé 1 lượt:đồng/ HK
Giá vé tháng (nếu có):đồng/ HK
Ghi chú: giá vé trên bao gồm thuế GTGT và Bảo hiểm hành khách.	

3. Mẫu Bảng niêm yết giá cước xe taxi:

Giá cước - Taxi Fare	
(Giá cước đã bao gồm thuế GTGT)	
.....(đồng)/...	(Đơn vị tính)
.....(đồng)/...	(Đơn vị tính)
.....(đồng)/...giờ chờ đợi (nếu có).	
Ghi chú: giá cước trên bao gồm thuế GTGT và Bảo hiểm hành khách.	

Ghi chú:

- Bảng niêm yết giá cước vận tải hành khách bằng xe taxi ở mặt ngoài cánh cửa xe có diện tích tối thiểu là 400 cm².
- Bảng niêm yết giá vé vận tải hành khách bằng xe tuyến cố định và xe buýt ở mặt ngoài thành xe có kích thước tối thiểu là 250 cm²
- Ngoài những thông tin nêu trên, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải được bổ sung các thông tin khác theo yêu cầu quản lý của đơn vị./.

Phụ lục số 4: MẪU VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính)

**Tên đơn vị thực hiện
kê khai giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/.....

....., ngày ... tháng ... năm

V/v kê khai giá hàng hóa, dịch
vụ bán trong nước hoặc xuất
khẩu

Kính gửi:(tên cơ quan tiếp nhận Văn bản kê khai giá....)

Thực hiện Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật giá và Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

... (tên đơn vị kê khai giá) gửi Bảng kê khai mức giá hàng hoá, dịch vụ bán trong nước hoặc xuất khẩu (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày / /

... (tên đơn vị kê khai giá) xin chịu trách nhiệm trước pháp Luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

- Họ tên người nộp Biểu mẫu:.....
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai:.....
- Số điện thoại liên lạc:.....
- Email:.....
- Số fax:.....

**Ghi nhận ngày nộp Văn bản kê khai giá
của cơ quan tiếp nhận**

*(Cơ quan tiếp nhận Văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được Văn bản kê khai giá và
đóng dấu công văn đến)*

Tên đơn vị thực hiện
kê khai giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng... năm

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

1. Mức giá kê khai bán trong nước hoặc xuất khẩu (bán buôn, bán lẻ): Các mức giá tại cửa kho/nhà máy, tại các địa bàn, khu vực khác (nếu có).

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành	Mức giá kê khai mới	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Ghi chú

2. Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.

3. Ghi rõ các chính sách và mức khuyến mại, giảm giá hoặc chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng, các Điều kiện vận chuyển, giao hàng, bán hàng kèm theo mức giá kê khai (nếu có).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày / /

Ghi chú:

Mức giá kê khai là mức giá bán dự kiến đã trừ chiết khấu, giảm giá (nếu có) đã bao gồm thuế giá trị gia tăng cho 01 đơn vị sản phẩm. Trường hợp lần đầu thực hiện kê khai giá với cơ quan quản lý nhà nước về giá đối với sản phẩm mới thì gửi kèm theo Bảng xây dựng hình thành mức giá bán hàng hóa, dịch vụ.

- Mức giá kê khai xuất khẩu ghi cụ thể áp dụng cho thị trường nước xuất khẩu nào và tính theo tỷ giá mua vào.....VNĐ/USD tại Ngân hàng thương mại.....ngày...tháng...năm...

Phụ lục số 5: MẪU THÔNG BÁO MỨC GIÁ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính)

**Tên đơn vị thực hiện
kê khai giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/.....

....., ngày ... tháng ... năm

V/v thông báo mức giá Điều chỉnh tăng, giảm giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước hoặc xuất khẩu trong phạm vi 5% so với mức giá đã kê khai liên kê trước đó

Kính gửi:(tên cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá....)

Thực hiện Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật giá và Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

... (tên đơn vị kê khai giá) thông báo mức giá hàng hoá, dịch vụ bán trong nước hoặc xuất khẩu trong phạm vi 5% so với mức giá đã kê khai liên kê trước đó (Bảng thông báo mức giá đính kèm).

Mức giá này thực hiện từ ngày / /

... (tên đơn vị kê khai giá) xin chịu trách nhiệm trước pháp Luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

- Họ tên người nộp Biểu mẫu:.....
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai giá:.....
- Số điện thoại liên lạc:.....
- Email:.....
- Số fax:.....

**Ghi nhận ngày nộp Thông báo mức giá
của cơ quan tiếp nhận**

(Cơ quan tiếp nhận Văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được Thông báo mức giá và đóng dấu công văn đến)

